

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐĂNG KÝ XÉT CHUYỂN ĐIỂM, MIỄN HỌC PHẦN TIẾNG ANH
K48, 49 (KSV) ĐHCQ - ĐỢT 2 THÁNG 9/2025**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
1	31221570308	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58.00	10.0
2	31221570308	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58.00	10.0
3	31221570308	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58.00	9.0
4	31221570308	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58.00	8.0
5	31221570262	Bùi Mạnh	Cường	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	53	10.0
6	31221570262	Bùi Mạnh	Cường	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	53	9.0
7	31221570262	Bùi Mạnh	Cường	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	53	8.0
8	31221570262	Bùi Mạnh	Cường	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	53	7.0
9	31221570261	Nguyễn Bảo	Hà	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
10	31221570261	Nguyễn Bảo	Hà	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
11	31221570261	Nguyễn Bảo	Hà	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
12	31221570261	Nguyễn Bảo	Hà	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
13	31221570318	Lê Nguyễn Gia	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	57	10.0
14	31221570318	Lê Nguyễn Gia	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	57	10.0
15	31221570318	Lê Nguyễn Gia	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	57	9.0
16	31221570318	Lê Nguyễn Gia	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	57	8.0
17	31221570329	Cao Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
18	31221570329	Cao Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
19	31221570329	Cao Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
20	31221570329	Cao Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
21	31221570228	Dương Thị Hồng	Hạnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
22	31221570228	Dương Thị Hồng	Hạnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
23	31221570228	Dương Thị Hồng	Hạnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
24	31221570228	Dương Thị Hồng	Hạnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
25	31221570315	Phùng Thị Thu	Hồng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
26	31221570315	Phùng Thị Thu	Hồng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
27	31221570315	Phùng Thị Thu	Hồng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
28	31221570315	Phùng Thị Thu	Hồng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
29	31221570231	Lê Thị Thanh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	56	10.0
30	31221570231	Lê Thị Thanh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	56	10.0
31	31221570231	Lê Thị Thanh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	56	9.0
32	31221570231	Lê Thị Thanh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	56	8.0
33	31221570269	Lương Minh	Kiều	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	640	10.0
34	31221570269	Lương Minh	Kiều	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	640	10.0
35	31221570269	Lương Minh	Kiều	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	640	9.0
36	31221570269	Lương Minh	Kiều	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	640	8.0
37	31221570312	Văn Thị Thu	Lài	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
38	31221570312	Văn Thị Thu	Lài	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
39	31221570312	Văn Thị Thu	Lài	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
40	31221570312	Văn Thị Thu	Lài	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
41	31221570268	Phùng Nguyễn Tấn	Lộc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	55	10.0
42	31221570268	Phùng Nguyễn Tấn	Lộc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	55	10.0
43	31221570268	Phùng Nguyễn Tấn	Lộc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	55	9.0
44	31221570268	Phùng Nguyễn Tấn	Lộc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	55	8.0
45	31221570263	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	60	10.0
46	31221570263	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	60	10.0
47	31221570263	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	60	10.0
48	31221570263	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	60	9.0
49	31221570305	Nguyễn Huỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	54	10.0
50	31221570305	Nguyễn Huỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	54	9.0
51	31221570305	Nguyễn Huỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	54	8.0
52	31221570305	Nguyễn Huỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	54	7.0
53	31221570320	Võ Thị Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	56	10.0
54	31221570320	Võ Thị Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	56	10.0
55	31221570320	Võ Thị Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	56	9.0
56	31221570320	Võ Thị Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	56	8.0
57	31221570582	Bùi Thị Huỳnh	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
58	31221570582	Bùi Thị Huỳnh	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
59	31221570582	Bùi Thị Huỳnh	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
60	31221570582	Bùi Thị Huỳnh	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
61	31221570224	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
62	31221570224	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
63	31221570224	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
64	31221570224	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
65	31221570284	Trần Thị Kim	Phụng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
66	31221570284	Trần Thị Kim	Phụng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
67	31221570284	Trần Thị Kim	Phụng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
68	31221570284	Trần Thị Kim	Phụng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
69	31221570321	Nguyễn Phạm Trúc	Quyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	53	10.0
70	31221570321	Nguyễn Phạm Trúc	Quyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	53	9.0
71	31221570321	Nguyễn Phạm Trúc	Quyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	53	8.0
72	31221570321	Nguyễn Phạm Trúc	Quyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	53	7.0
73	31221570229	Lê Thanh	Tâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
74	31221570229	Lê Thanh	Tâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
75	31221570229	Lê Thanh	Tâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
76	31221570229	Lê Thanh	Tâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
77	31221570226	Ngô Thị Hồng	Thắm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
78	31221570226	Ngô Thị Hồng	Thắm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
79	31221570226	Ngô Thị Hồng	Thắm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
80	31221570226	Ngô Thị Hồng	Thắm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
81	31221570326	Nguyễn Ngọc	Thào	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
82	31221570326	Nguyễn Ngọc	Thào	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
83	31221570326	Nguyễn Ngọc	Thào	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
84	31221570326	Nguyễn Ngọc	Thào	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
85	31221570230	Huỳnh Dương Ngọc	Trâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
86	31221570230	Huỳnh Dương Ngọc	Trâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
87	31221570230	Huỳnh Dương Ngọc	Trâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
88	31221570230	Huỳnh Dương Ngọc	Trâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
89	31221570317	Phùng Thị Huyền	Trân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58.00	10.0
90	31221570317	Phùng Thị Huyền	Trân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58.00	10.0
91	31221570317	Phùng Thị Huyền	Trân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58.00	9.0
92	31221570317	Phùng Thị Huyền	Trân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58.00	8.0
93	31221570291	Nguyễn Thùy	Trang	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	55.00	10.0
94	31221570291	Nguyễn Thùy	Trang	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	55.00	10.0
95	31221570291	Nguyễn Thùy	Trang	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	55.00	9.0
96	31221570291	Nguyễn Thùy	Trang	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	55.00	8.0
97	31221570258	Nguyễn Trần Thanh	Trúc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	57	10.0
98	31221570258	Nguyễn Trần Thanh	Trúc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	57	10.0
99	31221570258	Nguyễn Trần Thanh	Trúc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	57	9.0
100	31221570258	Nguyễn Trần Thanh	Trúc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	57	8.0
101	31221570328	Phạm Huệ	Uyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
102	31221570328	Phạm Huệ	Uyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
103	31221570328	Phạm Huệ	Uyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
104	31221570328	Phạm Huệ	Uyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
105	31221570279	Võ Nguyễn Thị Tường	Vi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
106	31221570279	Võ Nguyễn Thị Tường	Vi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
107	31221570279	Võ Nguyễn Thị Tường	Vi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
108	31221570279	Võ Nguyễn Thị Tường	Vi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
109	31221570282	Văn Thị Thanh	Xuân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	56	10.0
110	31221570282	Văn Thị Thanh	Xuân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	56	10.0
111	31221570282	Văn Thị Thanh	Xuân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	56	9.0
112	31221570282	Văn Thị Thanh	Xuân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	56	8.0
113	31221570211	Nguyễn Phát	Đạt	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
114	31221570211	Nguyễn Phát	Đạt	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
115	31221570211	Nguyễn Phát	Đạt	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
116	31221570211	Nguyễn Phát	Đạt	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
117	31221570164	Lê Văn	Dững	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	56	10.0
118	31221570164	Lê Văn	Dững	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	56	10.0
119	31221570164	Lê Văn	Dững	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	56	9.0
120	31221570164	Lê Văn	Dững	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	56	8.0
121	31221570180	Võ Thị Thúy	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	570	10.0
122	31221570180	Võ Thị Thúy	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	570	9.0
123	31221570180	Võ Thị Thúy	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	570	8.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
124	31221570180	Võ Thị Thúy	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	570	7.0
125	31221570213	Trần Phan Đăng	Khoa	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
126	31221570213	Trần Phan Đăng	Khoa	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
127	31221570213	Trần Phan Đăng	Khoa	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
128	31221570213	Trần Phan Đăng	Khoa	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
129	31221570171	Đỗ Nguyên	Linh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	550	10.0
130	31221570171	Đỗ Nguyên	Linh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	550	9.0
131	31221570171	Đỗ Nguyên	Linh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	550	8.0
132	31221570171	Đỗ Nguyên	Linh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	550	7.0
133	31221570168	Mai Lê Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	605	10.0
134	31221570168	Mai Lê Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	605	10.0
135	31221570168	Mai Lê Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	605	9.0
136	31221570217	Trần Bảo	Ngọc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	630	10.0
137	31221570217	Trần Bảo	Ngọc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	630	10.0
138	31221570217	Trần Bảo	Ngọc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	630	9.0
139	31221570217	Trần Bảo	Ngọc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	630	8.0
140	31221570332	Văn Thị Ái	Nguyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
141	31221570332	Văn Thị Ái	Nguyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
142	31221570332	Văn Thị Ái	Nguyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
143	31221570332	Văn Thị Ái	Nguyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
144	31221570178	Võ Lê Khôi	Nguyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	695	9.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
145	31221570184	Bùi Thị Hồng	Nhiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	57	10.0
146	31221570184	Bùi Thị Hồng	Nhiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	57	10.0
147	31221570184	Bùi Thị Hồng	Nhiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	57	9.0
148	31221570184	Bùi Thị Hồng	Nhiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	57	8.0
149	31221570514	Huỳnh Bào	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
150	31221570514	Huỳnh Bào	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
151	31221570514	Huỳnh Bào	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
152	31221570514	Huỳnh Bào	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
153	31221570176	Nguyễn Thảo	Vân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
154	31221570176	Nguyễn Thảo	Vân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
155	31221570176	Nguyễn Thảo	Vân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
156	31221570176	Nguyễn Thảo	Vân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
157	31221570032	Nguyễn Huỳnh Kim	Anh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
158	31221570032	Nguyễn Huỳnh Kim	Anh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
159	31221570032	Nguyễn Huỳnh Kim	Anh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
160	31221570032	Nguyễn Huỳnh Kim	Anh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
161	31221570051	Dương Đoàn Quế	Băng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	57	10.0
162	31221570051	Dương Đoàn Quế	Băng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	57	10.0
163	31221570051	Dương Đoàn Quế	Băng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	57	9.0
164	31221570041	Lê Huỳnh Hải	Đăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
165	31221570041	Lê Huỳnh Hải	Đăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
166	31221570041	Lê Huỳnh Hải	Đăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
167	31221570041	Lê Huỳnh Hải	Đăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
168	31221570063	Hồ Công	Dự	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
169	31221570063	Hồ Công	Dự	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
170	31221570063	Hồ Công	Dự	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
171	31221570063	Hồ Công	Dự	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
172	31221570031	Tô Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
173	31221570031	Tô Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
174	31221570031	Tô Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
175	31221570031	Tô Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
176	31221570083	Trần Nguyễn Thanh	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
177	31221570083	Trần Nguyễn Thanh	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
178	31221570083	Trần Nguyễn Thanh	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
179	31221570083	Trần Nguyễn Thanh	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
180	31221570058	Phạm Thị Mỹ	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	56	10.0
181	31221570058	Phạm Thị Mỹ	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	56	10.0
182	31221570058	Phạm Thị Mỹ	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	56	9.0
183	31221570058	Phạm Thị Mỹ	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	56	8.0
184	31221570037	Bùi Đức	Tài	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
185	31221570037	Bùi Đức	Tài	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
186	31221570037	Bùi Đức	Tài	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
187	31221570037	Bùi Đức	Tài	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
188	31221570033	Nguyễn Ngọc Như	Tâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
189	31221570033	Nguyễn Ngọc Như	Tâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
190	31221570033	Nguyễn Ngọc Như	Tâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
191	31221570033	Nguyễn Ngọc Như	Tâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
192	31221570064	Nguyễn Trọng	Thăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
193	31221570064	Nguyễn Trọng	Thăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
194	31221570064	Nguyễn Trọng	Thăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
195	31221570064	Nguyễn Trọng	Thăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
196	31221570059	Nguyễn Thị Anh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
197	31221570059	Nguyễn Thị Anh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
198	31221570059	Nguyễn Thị Anh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
199	31221570059	Nguyễn Thị Anh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
200	31221570056	Phạm Thị Mỹ	Trân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
201	31221570056	Phạm Thị Mỹ	Trân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
202	31221570056	Phạm Thị Mỹ	Trân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
203	31221570056	Phạm Thị Mỹ	Trân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
204	31221570069	Trần Nguyễn Bảo	Trân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	54	10.0
205	31221570069	Trần Nguyễn Bảo	Trân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	54	9.0
206	31221570069	Trần Nguyễn Bảo	Trân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	54	7.0
207	31221570085	Lê Diễm	Trinh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
208	31221570085	Lê Diễm	Trình	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
209	31221570085	Lê Diễm	Trình	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
210	31221570085	Lê Diễm	Trình	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
211	31221570060	Trần Lâm	Vũ	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	57	10.0
212	31221570060	Trần Lâm	Vũ	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	57	10.0
213	31221570060	Trần Lâm	Vũ	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	57	9.0
214	31221570060	Trần Lâm	Vũ	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	57	8.0
215	31221570571	Hoàng Thị	Hòa	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	57	10.0
216	31221570571	Hoàng Thị	Hòa	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	57	10.0
217	31221570571	Hoàng Thị	Hòa	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	57	9.0
218	31221570571	Hoàng Thị	Hòa	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	57	8.0
219	31221570340	Đặng Nhật	Huy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	56	10.0
220	31221570340	Đặng Nhật	Huy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	56	10.0
221	31221570340	Đặng Nhật	Huy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	56	9.0
222	31221570340	Đặng Nhật	Huy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	56	8.0
223	31221570515	Bùi Đạt Gia	Khang	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.5	10.0
224	31221570515	Bùi Đạt Gia	Khang	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.5	10.0
225	31221570515	Bùi Đạt Gia	Khang	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.5	9.0
226	31221570515	Bùi Đạt Gia	Khang	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.5	8.0
227	31221570334	Nguyễn Đăng	Khôi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.0	10.0
228	31221570334	Nguyễn Đăng	Khôi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.0	10.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
229	31221570334	Nguyễn Đăng	Khôi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.0	10.0
230	31221570334	Nguyễn Đăng	Khôi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.0	9.0
231	31221570513	Trương Triệu	Minh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
232	31221570513	Trương Triệu	Minh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
233	31221570513	Trương Triệu	Minh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
234	31221570513	Trương Triệu	Minh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
235	31221570365	Hoàng Hữu	Phúc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
236	31221570365	Hoàng Hữu	Phúc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
237	31221570365	Hoàng Hữu	Phúc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
238	31221570365	Hoàng Hữu	Phúc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
239	31221570363	Nguyễn Thị Xuân	Thanh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	57	10.0
240	31221570363	Nguyễn Thị Xuân	Thanh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	57	10.0
241	31221570363	Nguyễn Thị Xuân	Thanh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	57	9.0
242	31221570363	Nguyễn Thị Xuân	Thanh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	57	8.0
243	31221570206	Dương Thanh	Đăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
244	31221570206	Dương Thanh	Đăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
245	31221570206	Dương Thanh	Đăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
246	31221570206	Dương Thanh	Đăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
247	31221570153	Nguyễn Cù Bảo	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	56	10.0
248	31221570153	Nguyễn Cù Bảo	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	56	10.0
249	31221570153	Nguyễn Cù Bảo	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	56	9.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
250	31221570153	Nguyễn Cù Bảo	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	56	8.0
251	31221570240	Nguyễn Hoàng Khánh	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
252	31221570240	Nguyễn Hoàng Khánh	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
253	31221570240	Nguyễn Hoàng Khánh	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
254	31221570240	Nguyễn Hoàng Khánh	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
255	31221570239	Tổng Xuân	Hà	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
256	31221570239	Tổng Xuân	Hà	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
257	31221570239	Tổng Xuân	Hà	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
258	31221570239	Tổng Xuân	Hà	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
259	31221570352	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
260	31221570352	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
261	31221570352	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
262	31221570352	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
263	31221570234	Nguyễn Trung	Hiếu	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	57	10.0
264	31221570234	Nguyễn Trung	Hiếu	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	57	10.0
265	31221570234	Nguyễn Trung	Hiếu	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	57	9.0
266	31221570234	Nguyễn Trung	Hiếu	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	57	8.0
267	31221570157	Nguyễn Thị Tuyết	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	56	10.0
268	31221570157	Nguyễn Thị Tuyết	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	56	10.0
269	31221570157	Nguyễn Thị Tuyết	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	56	9.0
270	31221570157	Nguyễn Thị Tuyết	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	56	8.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
271	31221570204	Trương Ngọc	Linh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
272	31221570204	Trương Ngọc	Linh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
273	31221570204	Trương Ngọc	Linh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
274	31221570204	Trương Ngọc	Linh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
275	31221570151	Phạm Trúc	Mai	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
276	31221570151	Phạm Trúc	Mai	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
277	31221570151	Phạm Trúc	Mai	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
278	31221570151	Phạm Trúc	Mai	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
279	31221570202	Lê Thị Hà	My	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	53	10.0
280	31221570202	Lê Thị Hà	My	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	53	9.0
281	31221570202	Lê Thị Hà	My	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	53	8.0
282	31221570202	Lê Thị Hà	My	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	53	7.0
283	31221570286	Phạm Huỳnh Ngọc	Nga	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	56	10.0
284	31221570286	Phạm Huỳnh Ngọc	Nga	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	56	10.0
285	31221570286	Phạm Huỳnh Ngọc	Nga	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	56	9.0
286	31221570286	Phạm Huỳnh Ngọc	Nga	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	56	8.0
287	31221570191	Phạm Trần Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	55	10.0
288	31221570191	Phạm Trần Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	55	10.0
289	31221570191	Phạm Trần Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	55	9.0
290	31221570191	Phạm Trần Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	55	8.0
291	31221570232	Lê Huỳnh Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
292	31221570232	Lê Huỳnh Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
293	31221570232	Lê Huỳnh Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
294	31221570232	Lê Huỳnh Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
295	31221570158	Nguyễn Phú Khôi	Nguyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	780	10.0
296	31221570158	Nguyễn Phú Khôi	Nguyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	780	10.0
297	31221570158	Nguyễn Phú Khôi	Nguyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	780	10.0
298	31221570158	Nguyễn Phú Khôi	Nguyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	780	10.0
299	31221570203	Nguyễn Kim	Nguyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
300	31221570203	Nguyễn Kim	Nguyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
301	31221570203	Nguyễn Kim	Nguyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
302	31221570203	Nguyễn Kim	Nguyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
303	31221570161	Ngô Kha	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
304	31221570161	Ngô Kha	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
305	31221570161	Ngô Kha	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
306	31221570161	Ngô Kha	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
307	31221570205	Võ Hà	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
308	31221570205	Võ Hà	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
309	31221570205	Võ Hà	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
310	31221570205	Võ Hà	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
311	31221570244	Nguyễn Bùi Hữu	Phước	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
312	31221570244	Nguyễn Bùi Hữu	Phước	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
313	31221570244	Nguyễn Bùi Hữu	Phước	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
314	31221570244	Nguyễn Bùi Hữu	Phước	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
315	31221570187	Trần Thị	Quyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	57	10.0
316	31221570187	Trần Thị	Quyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	57	10.0
317	31221570187	Trần Thị	Quyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	57	9.0
318	31221570187	Trần Thị	Quyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	57	8.0
319	31221570198	Trần Thị Mỹ	Quyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
320	31221570198	Trần Thị Mỹ	Quyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
321	31221570198	Trần Thị Mỹ	Quyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
322	31221570198	Trần Thị Mỹ	Quyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
323	31221570247	Hoàng Thị Như	Quỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
324	31221570247	Hoàng Thị Như	Quỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
325	31221570247	Hoàng Thị Như	Quỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
326	31221570247	Hoàng Thị Như	Quỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
327	31221570255	Nguyễn Thị Kim	Quỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
328	31221570255	Nguyễn Thị Kim	Quỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
329	31221570255	Nguyễn Thị Kim	Quỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
330	31221570255	Nguyễn Thị Kim	Quỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
331	31221570209	Võ Thị Quế	Thanh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
332	31221570209	Võ Thị Quế	Thanh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
333	31221570209	Võ Thị Quế	Thanh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
334	31221570209	Võ Thị Quế	Thanh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
335	31221570154	Tô Phương	Thào	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
336	31221570154	Tô Phương	Thào	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
337	31221570154	Tô Phương	Thào	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
338	31221570154	Tô Phương	Thào	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
339	31221570237	Lê Anh	Thuận	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
340	31221570237	Lê Anh	Thuận	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
341	31221570237	Lê Anh	Thuận	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
342	31221570237	Lê Anh	Thuận	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
343	31221570249	Ngô Thị Thanh	Thủy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
344	31221570249	Ngô Thị Thanh	Thủy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
345	31221570249	Ngô Thị Thanh	Thủy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
346	31221570249	Ngô Thị Thanh	Thủy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
347	31221570162	Nguyễn Anh	Thy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58.00	10.0
348	31221570162	Nguyễn Anh	Thy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58.00	10.0
349	31221570162	Nguyễn Anh	Thy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58.00	9.0
350	31221570241	Trần Thị Cẩm	Tiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
351	31221570241	Trần Thị Cẩm	Tiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
352	31221570241	Trần Thị Cẩm	Tiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
353	31221570241	Trần Thị Cẩm	Tiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
354	31221570288	Trương Thị Kiều	Tiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	645	10.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
355	31221570288	Trương Thị Kiều	Tiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	645	10.0
356	31221570288	Trương Thị Kiều	Tiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	645	9.0
357	31221570288	Trương Thị Kiều	Tiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	645	8.0
358	31221570155	Nguyễn Thái	Toàn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	52	10.0
359	31221570155	Nguyễn Thái	Toàn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	52	9.0
360	31221570155	Nguyễn Thái	Toàn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	52	8.0
361	31221570155	Nguyễn Thái	Toàn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	52	7.0
362	31221570163	Nguyễn Thái	Toàn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
363	31221570163	Nguyễn Thái	Toàn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
364	31221570163	Nguyễn Thái	Toàn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
365	31221570163	Nguyễn Thái	Toàn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
366	31221570156	Phạm Thị Bảo	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
367	31221570156	Phạm Thị Bảo	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
368	31221570156	Phạm Thị Bảo	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
369	31221570156	Phạm Thị Bảo	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
370	31221570197	Võ Thị Huyền	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	55	10.0
371	31221570197	Võ Thị Huyền	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	55	10.0
372	31221570197	Võ Thị Huyền	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	55	9.0
373	31221570197	Võ Thị Huyền	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	55	8.0
374	31221570252	Mạc Ngọc Bảo	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	55	10.0
375	31221570252	Mạc Ngọc Bảo	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	55	10.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
376	31221570252	Mạc Ngọc Bảo	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	55	9.0
377	31221570252	Mạc Ngọc Bảo	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	55	8.0
378	31221570351	Nguyễn Yến	Trâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
379	31221570351	Nguyễn Yến	Trâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
380	31221570351	Nguyễn Yến	Trâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
381	31221570351	Nguyễn Yến	Trâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
382	31221570160	Đỗ Huỳnh Nhật	Uyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	53	10.0
383	31221570160	Đỗ Huỳnh Nhật	Uyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	53	9.0
384	31221570160	Đỗ Huỳnh Nhật	Uyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	53	8.0
385	31221570210	Nguyễn Thị Thúy	Uyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	555	8.0
386	31221570210	Nguyễn Thị Thúy	Uyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	555	7.0
387	31221570236	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
388	31221570236	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
389	31221570236	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
390	31221570236	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
391	31221570492	Bùi Chiếu	Bảng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
392	31221570492	Bùi Chiếu	Bảng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
393	31221570492	Bùi Chiếu	Bảng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
394	31221570492	Bùi Chiếu	Bảng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
395	31221570463	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	56	10.0
396	31221570463	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	56	10.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
397	31221570463	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	56	9.0
398	31221570463	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	56	8.0
399	31221570483	Trịnh Cẩm	Hằng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
400	31221570483	Trịnh Cẩm	Hằng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
401	31221570483	Trịnh Cẩm	Hằng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
402	31221570483	Trịnh Cẩm	Hằng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
403	31221570437	Nguyễn Thị Huỳnh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
404	31221570437	Nguyễn Thị Huỳnh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
405	31221570437	Nguyễn Thị Huỳnh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
406	31221570437	Nguyễn Thị Huỳnh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
407	31221570465	Nguyễn Đăng	Khôi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
408	31221570465	Nguyễn Đăng	Khôi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
409	31221570465	Nguyễn Đăng	Khôi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
410	31221570465	Nguyễn Đăng	Khôi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
411	31221570466	Lê Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
412	31221570466	Lê Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
413	31221570466	Lê Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
414	31221570466	Lê Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
415	31221570537	Nguyễn Mỹ	Nghi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	57	10.0
416	31221570537	Nguyễn Mỹ	Nghi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	57	10.0
417	31221570537	Nguyễn Mỹ	Nghi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	57	9.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
418	31221570537	Nguyễn Mỹ	Nghi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	57	8.0
419	31221570470	Nguyễn Quỳnh Ngọc	Phương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
420	31221570470	Nguyễn Quỳnh Ngọc	Phương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
421	31221570470	Nguyễn Quỳnh Ngọc	Phương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
422	31221570470	Nguyễn Quỳnh Ngọc	Phương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
423	31221570530	Đào Minh	Tấn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
424	31221570530	Đào Minh	Tấn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
425	31221570530	Đào Minh	Tấn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
426	31221570530	Đào Minh	Tấn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
427	31221570469	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	55	10.0
428	31221570469	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	55	10.0
429	31221570469	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	55	9.0
430	31221570469	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	55	8.0
431	31221570485	Phạm Thị Yến	Thuy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	56	10.0
432	31221570485	Phạm Thị Yến	Thuy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	56	10.0
433	31221570485	Phạm Thị Yến	Thuy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	56	9.0
434	31221570485	Phạm Thị Yến	Thuy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	56	8.0
435	31221570506	Trương Thị Huỳnh	Trâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
436	31221570506	Trương Thị Huỳnh	Trâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
437	31221570506	Trương Thị Huỳnh	Trâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
438	31221570506	Trương Thị Huỳnh	Trâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
439	31221570482	Phan Băng	Trình	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
440	31221570482	Phan Băng	Trình	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
441	31221570482	Phan Băng	Trình	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
442	31221570482	Phan Băng	Trình	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
443	31221570435	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
444	31221570435	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
445	31221570435	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
446	31221570435	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
447	31221570451	Phan Quốc	Vện	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
448	31221570451	Phan Quốc	Vện	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
449	31221570451	Phan Quốc	Vện	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
450	31221570451	Phan Quốc	Vện	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
451	31221570445	Ngô Thị Tường	Vy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
452	31221570445	Ngô Thị Tường	Vy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
453	31221570445	Ngô Thị Tường	Vy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
454	31221570445	Ngô Thị Tường	Vy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
455	31221570143	Phan Đoàn Phước	Đạt	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	57	10.0
456	31221570143	Phan Đoàn Phước	Đạt	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	57	10.0
457	31221570143	Phan Đoàn Phước	Đạt	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	57	9.0
458	31221570143	Phan Đoàn Phước	Đạt	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	57	8.0
459	31221570538	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	590	10.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
460	31221570538	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	590	9.0
461	31221570538	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	590	8.0
462	31221570538	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	590	7.0
463	31221570145	Trần Thị Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
464	31221570145	Trần Thị Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
465	31221570145	Trần Thị Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
466	31221570145	Trần Thị Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
467	31221570149	Hồ Thị Thanh	Hằng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	590	10.0
468	31221570149	Hồ Thị Thanh	Hằng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	590	9.0
469	31221570149	Hồ Thị Thanh	Hằng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	590	8.0
470	31221570149	Hồ Thị Thanh	Hằng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	590	7.0
471	31221570134	Dương Thanh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
472	31221570134	Dương Thanh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
473	31221570134	Dương Thanh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
474	31221570134	Dương Thanh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
475	31221570137	Ngô Hồ Minh	Khánh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	695	10.0
476	31221570137	Ngô Hồ Minh	Khánh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	695	10.0
477	31221570137	Ngô Hồ Minh	Khánh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	695	10.0
478	31221570137	Ngô Hồ Minh	Khánh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	695	9.0
479	31221570108	Nguyễn Thành	Lập	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
480	31221570108	Nguyễn Thành	Lập	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
481	31221570108	Nguyễn Thành	Lập	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
482	31221570108	Nguyễn Thành	Lập	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
483	31221570141	Nguyễn Duy	Lộc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
484	31221570141	Nguyễn Duy	Lộc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
485	31221570141	Nguyễn Duy	Lộc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
486	31221570141	Nguyễn Duy	Lộc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
487	31221570142	Nguyễn Thị Trà	My	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
488	31221570142	Nguyễn Thị Trà	My	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
489	31221570142	Nguyễn Thị Trà	My	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
490	31221570142	Nguyễn Thị Trà	My	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
491	31221570101	Lê Châu Hoàn	Mỹ	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
492	31221570101	Lê Châu Hoàn	Mỹ	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
493	31221570101	Lê Châu Hoàn	Mỹ	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
494	31221570101	Lê Châu Hoàn	Mỹ	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
495	31221570092	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	56	10.0
496	31221570092	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	56	10.0
497	31221570092	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	56	9.0
498	31221570092	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	56	8.0
499	31221570117	Nguyễn Thị Thu	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
500	31221570117	Nguyễn Thị Thu	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
501	31221570117	Nguyễn Thị Thu	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
502	31221570117	Nguyễn Thị Thu	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
503	31221570100	Nguyễn Hà Long	Nhật	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
504	31221570100	Nguyễn Hà Long	Nhật	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
505	31221570100	Nguyễn Hà Long	Nhật	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
506	31221570100	Nguyễn Hà Long	Nhật	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
507	31221570090	Nguyễn Huỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	54	10.0
508	31221570090	Nguyễn Huỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	54	9.0
509	31221570090	Nguyễn Huỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	54	8.0
510	31221570090	Nguyễn Huỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	54	7.0
511	31221570121	Nguyễn Huỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
512	31221570121	Nguyễn Huỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
513	31221570121	Nguyễn Huỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
514	31221570121	Nguyễn Huỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
515	31221570124	Lê Tuyết	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	56	10.0
516	31221570124	Lê Tuyết	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	56	10.0
517	31221570124	Lê Tuyết	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	56	9.0
518	31221570124	Lê Tuyết	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	56	8.0
519	31221570144	Phạm Nguyễn Yến	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
520	31221570144	Phạm Nguyễn Yến	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
521	31221570144	Phạm Nguyễn Yến	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
522	31221570144	Phạm Nguyễn Yến	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
523	31221570148	Cao Thị Như	Quỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
524	31221570148	Cao Thị Như	Quỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
525	31221570148	Cao Thị Như	Quỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
526	31221570148	Cao Thị Như	Quỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
527	31221570093	Nguyễn Tấn	Tài	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
528	31221570093	Nguyễn Tấn	Tài	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
529	31221570093	Nguyễn Tấn	Tài	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
530	31221570093	Nguyễn Tấn	Tài	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
531	31221570113	Nguyễn Quốc	Thái	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
532	31221570113	Nguyễn Quốc	Thái	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
533	31221570113	Nguyễn Quốc	Thái	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
534	31221570113	Nguyễn Quốc	Thái	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
535	31221570147	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
536	31221570147	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
537	31221570147	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
538	31221570147	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
539	31221570132	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
540	31221570132	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
541	31221570132	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
542	31221570132	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
543	31221570103	Trần Thị Xuân	Thu	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
544	31221570103	Trần Thị Xuân	Thu	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
545	31221570103	Trần Thị Xuân	Thu	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
546	31221570103	Trần Thị Xuân	Thu	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
547	31221570140	Danh Thị Anh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	56	10.0
548	31221570140	Danh Thị Anh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	56	10.0
549	31221570140	Danh Thị Anh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	56	9.0
550	31221570140	Danh Thị Anh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	56	8.0
551	31221570118	Nguyễn Minh	Thùy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
552	31221570118	Nguyễn Minh	Thùy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
553	31221570118	Nguyễn Minh	Thùy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
554	31221570118	Nguyễn Minh	Thùy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
555	31221570348	Nguyễn Nhật	Tiến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
556	31221570348	Nguyễn Nhật	Tiến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
557	31221570348	Nguyễn Nhật	Tiến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
558	31221570348	Nguyễn Nhật	Tiến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
559	31221570119	Trần Trân	Trân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
560	31221570119	Trần Trân	Trân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
561	31221570119	Trần Trân	Trân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
562	31221570119	Trần Trân	Trân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
563	31221570127	Vũ Xuân	Việt	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
564	31221570127	Vũ Xuân	Việt	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
565	31221570127	Vũ Xuân	Việt	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
566	31221570127	Vũ Xuân	Việt	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
567	31221570110	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
568	31221570110	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
569	31221570110	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
570	31221570110	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
571	31221570123	Võ Thị Kim	Xuyến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	575	10.0
572	31221570123	Võ Thị Kim	Xuyến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	575	9.0
573	31221570123	Võ Thị Kim	Xuyến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	575	8.0
574	31221570123	Võ Thị Kim	Xuyến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	575	7.0
575	31221570115	Nguyễn Trang Phi	Yến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
576	31221570115	Nguyễn Trang Phi	Yến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
577	31221570115	Nguyễn Trang Phi	Yến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
578	31221570115	Nguyễn Trang Phi	Yến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
579	31221570536	Lê Phương	Anh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	785	10.0
580	31221570536	Lê Phương	Anh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	785	10.0
581	31221570536	Lê Phương	Anh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	785	10.0
582	31221570536	Lê Phương	Anh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	785	10.0
583	31221570542	Nguyễn Vũ Thục	Đoan	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
584	31221570542	Nguyễn Vũ Thục	Đoan	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
585	31221570542	Nguyễn Vũ Thục	Đoan	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
586	31221570542	Nguyễn Vũ Thục	Đoan	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
587	31221570546	Phạm Thị Thảo	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
588	31221570546	Phạm Thị Thảo	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
589	31221570546	Phạm Thị Thảo	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
590	31221570546	Phạm Thị Thảo	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
591	31221570494	Hoàng	Sơn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
592	31221570494	Hoàng	Sơn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
593	31221570494	Hoàng	Sơn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
594	31221570505	Đoàn Huỳnh Thảo	Vy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	630	10.0
595	31221570505	Đoàn Huỳnh Thảo	Vy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	630	10.0
596	31221570505	Đoàn Huỳnh Thảo	Vy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	630	9.0
597	31221570505	Đoàn Huỳnh Thảo	Vy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	630	8.0
598	31221570502	Lê Thị Thúy	Ái	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	570	10.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
599	31221570502	Lê Thị Thúy	Ái	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	570	9.0
600	31221570502	Lê Thị Thúy	Ái	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	570	7.0
601	31221570458	Lê Anh	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
602	31221570458	Lê Anh	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
603	31221570458	Lê Anh	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
604	31221570458	Lê Anh	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
605	31221570487	Phòng Thị Quỳnh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	575	10.0
606	31221570487	Phòng Thị Quỳnh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	575	9.0
607	31221570487	Phòng Thị Quỳnh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	575	8.0
608	31221570487	Phòng Thị Quỳnh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	575	7.0
609	31221570378	Nguyễn Thành	Huy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
610	31221570378	Nguyễn Thành	Huy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
611	31221570378	Nguyễn Thành	Huy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
612	31221570378	Nguyễn Thành	Huy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
613	31221570455	Trương Văn	Huỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
614	31221570455	Trương Văn	Huỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
615	31221570455	Trương Văn	Huỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
616	31221570455	Trương Văn	Huỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
617	31221570454	Huỳnh Lưu Vân	Khánh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
618	31221570454	Huỳnh Lưu Vân	Khánh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
619	31221570454	Huỳnh Lưu Vân	Khánh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
620	31221570454	Huỳnh Lưu Vân	Khánh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
621	31221570471	Nguyễn Phạm Hiễn	Minh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	615	10.0
622	31221570471	Nguyễn Phạm Hiễn	Minh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	615	10.0
623	31221570471	Nguyễn Phạm Hiễn	Minh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	615	9.0
624	31221570471	Nguyễn Phạm Hiễn	Minh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	615	8.0
625	31221570425	Nguyễn Thanh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
626	31221570425	Nguyễn Thanh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
627	31221570425	Nguyễn Thanh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
628	31221570425	Nguyễn Thanh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
629	31221570440	Phùng Hoàng Hồng	Nhung	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	56	10.0
630	31221570440	Phùng Hoàng Hồng	Nhung	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	56	10.0
631	31221570440	Phùng Hoàng Hồng	Nhung	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	56	9.0
632	31221570440	Phùng Hoàng Hồng	Nhung	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	56	8.0
633	31221570424	Từ Tấn	Phô	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
634	31221570424	Từ Tấn	Phô	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
635	31221570424	Từ Tấn	Phô	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
636	31221570424	Từ Tấn	Phô	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
637	31221570491	Nguyễn Hoàng	Thái	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	57	10.0
638	31221570491	Nguyễn Hoàng	Thái	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	57	10.0
639	31221570491	Nguyễn Hoàng	Thái	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	57	9.0
640	31221570491	Nguyễn Hoàng	Thái	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	57	8.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
641	31221570476	Lê Phương	Thào	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
642	31221570476	Lê Phương	Thào	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
643	31221570476	Lê Phương	Thào	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
644	31221570476	Lê Phương	Thào	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
645	31221570438	Nguyễn Phúc	Thiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	57	10.0
646	31221570438	Nguyễn Phúc	Thiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	57	10.0
647	31221570438	Nguyễn Phúc	Thiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	57	9.0
648	31221570438	Nguyễn Phúc	Thiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	57	8.0
649	31221570481	Hồ Xuân	Thương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
650	31221570481	Hồ Xuân	Thương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
651	31221570481	Hồ Xuân	Thương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
652	31221570481	Hồ Xuân	Thương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
653	31221570358	Nguyễn Bảo	Ân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
654	31221570358	Nguyễn Bảo	Ân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
655	31221570358	Nguyễn Bảo	Ân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
656	31221570358	Nguyễn Bảo	Ân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
657	31221570408	Nguyễn Ngọc	Diễm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	55	10.0
658	31221570408	Nguyễn Ngọc	Diễm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	55	10.0
659	31221570408	Nguyễn Ngọc	Diễm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	55	9.0
660	31221570408	Nguyễn Ngọc	Diễm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	55	8.0
661	31221570390	Hoàng Thị	Hoa	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	53	10.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
662	31221570390	Hoàng Thị	Hoa	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	53	9.0
663	31221570390	Hoàng Thị	Hoa	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	53	8.0
664	31221570390	Hoàng Thị	Hoa	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	53	7.0
665	31221570412	Nguyễn Thị Liên	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	54	10.0
666	31221570412	Nguyễn Thị Liên	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	54	9.0
667	31221570412	Nguyễn Thị Liên	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	54	8.0
668	31221570412	Nguyễn Thị Liên	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	54	7.0
669	31221570357	Nguyễn Gia	Huy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
670	31221570357	Nguyễn Gia	Huy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
671	31221570357	Nguyễn Gia	Huy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
672	31221570357	Nguyễn Gia	Huy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
673	31221570380	Nguyễn Thị Kim	Khánh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	56	10.0
674	31221570380	Nguyễn Thị Kim	Khánh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	56	10.0
675	31221570380	Nguyễn Thị Kim	Khánh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	56	9.0
676	31221570380	Nguyễn Thị Kim	Khánh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	56	8.0
677	31221570375	Hồ Thị Thùy	Linh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
678	31221570375	Hồ Thị Thùy	Linh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
679	31221570375	Hồ Thị Thùy	Linh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
680	31221570406	Trương Hoàng	Lộc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
681	31221570406	Trương Hoàng	Lộc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
682	31221570406	Trương Hoàng	Lộc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
683	31221570406	Trương Hoàng	Lộc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
684	31221570392	Dương Thị Cẩm	Ly	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
685	31221570392	Dương Thị Cẩm	Ly	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
686	31221570392	Dương Thị Cẩm	Ly	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
687	31221570392	Dương Thị Cẩm	Ly	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
688	31221570393	Nguyễn Thị Thảo	My	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
689	31221570393	Nguyễn Thị Thảo	My	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
690	31221570393	Nguyễn Thị Thảo	My	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
691	31221570393	Nguyễn Thị Thảo	My	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
692	31221570376	Tăng Thị Thùy	Nhân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	55	10.0
693	31221570376	Tăng Thị Thùy	Nhân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	55	10.0
694	31221570376	Tăng Thị Thùy	Nhân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	55	9.0
695	31221570376	Tăng Thị Thùy	Nhân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	55	8.0
696	31221570388	Trần Lê Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	54	10.0
697	31221570388	Trần Lê Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	54	9.0
698	31221570388	Trần Lê Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	54	8.0
699	31221570388	Trần Lê Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	54	7.0
700	31221570409	Phạm Thị Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	51	10.0
701	31221570409	Phạm Thị Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	51	9.0
702	31221570409	Phạm Thị Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	51	8.0
703	31221570409	Phạm Thị Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	51	7.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
704	31221570373	Nguyễn Tấn	Phát	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
705	31221570373	Nguyễn Tấn	Phát	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
706	31221570373	Nguyễn Tấn	Phát	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
707	31221570373	Nguyễn Tấn	Phát	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
708	31221570421	Lê Hoàng	Phương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
709	31221570421	Lê Hoàng	Phương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
710	31221570421	Lê Hoàng	Phương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
711	31221570421	Lê Hoàng	Phương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
712	31221570356	Võ Linh	Tâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
713	31221570356	Võ Linh	Tâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
714	31221570356	Võ Linh	Tâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
715	31221570356	Võ Linh	Tâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
716	31221570383	Nguyễn Chí	Tập	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
717	31221570383	Nguyễn Chí	Tập	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
718	31221570383	Nguyễn Chí	Tập	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
719	31221570383	Nguyễn Chí	Tập	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
720	31221570386	Nguyễn Ngọc Phương	Thào	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
721	31221570386	Nguyễn Ngọc Phương	Thào	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
722	31221570386	Nguyễn Ngọc Phương	Thào	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
723	31221570386	Nguyễn Ngọc Phương	Thào	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
724	31221570410	Nguyễn Thị Thu	Thào	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	54	10.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
725	31221570410	Nguyễn Thị Thu	Thào	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	54	9.0
726	31221570410	Nguyễn Thị Thu	Thào	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	54	8.0
727	31221570410	Nguyễn Thị Thu	Thào	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	54	7.0
728	31221570419	Phạm Ngọc Phương	Thy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
729	31221570419	Phạm Ngọc Phương	Thy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
730	31221570419	Phạm Ngọc Phương	Thy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
731	31221570419	Phạm Ngọc Phương	Thy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
732	31221570399	Trần Anh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
733	31221570399	Trần Anh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
734	31221570399	Trần Anh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
735	31221570399	Trần Anh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
736	31221570384	Trần Lê Anh	Thy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	54	10.0
737	31221570384	Trần Lê Anh	Thy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	54	9.0
738	31221570391	Trần Ngọc Minh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	58	10.0
739	31221570391	Trần Ngọc Minh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	58	10.0
740	31221570391	Trần Ngọc Minh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	58	9.0
741	31221570391	Trần Ngọc Minh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	58	8.0
742	31221570400	Trần Thị Phương	Thào	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1	50	10.0
743	31221570400	Trần Thị Phương	Thào	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2	50	9.0
744	31221570400	Trần Thị Phương	Thào	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3	50	8.0
745	31221570400	Trần Thị Phương	Thào	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4	50	7.0

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm CC	Điểm
746	31231570388	Dương Minh	Kha	Khóa 49 (KSV) ĐHCQ	[Chuẩn]_Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - Khóa 49 PHVL	TOEIC	ENG513154	Tiếng Anh tổng quát	680	P
747	31231570287	Phan Thế	Dân	Khóa 49 (KSV) ĐHCQ	[Chuẩn]_Kế toán doanh nghiệp - Khóa 49 PHVL	TOEIC	ENG513154	Tiếng Anh tổng quát	690	P
748	31231570428	Nguyễn Mai	Thảo	Khóa 49 (KSV) ĐHCQ	[Chuẩn]_Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 49 PHVL	TOEFL iBT	ENG513154	Tiếng Anh tổng quát	70	P
749	31231570432	Nguyễn Hữu	Tín	Khóa 49 (KSV) ĐHCQ	[Chuẩn]_Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 49 PHVL	TOEIC	ENG513154	Tiếng Anh tổng quát	655	P

Tổng cộng: 194 sinh viên, 749 học phần